- Lênin không phải là học thuộc lòng câu chữ trong sách vở mà cốt là nắm vững tinh thần và phương pháp của nó để ứng xử với con người và công việc. Đồng thời, giảng viên phải thường xuyên bám sát "trận địa" thực tiễn cuộc sống, nghiên cứu và giải đáp thỏa đáng về mặt lí luận những vấn đề thực tiễn đang đặt ra, làm cho SV thấu hiểu bản chất của các sự kiện xảy ra trong cuộc sống. Bởi tri thức khoa học nói chung và tri thức các môn LLCT, các môn KHXH&NV nói riêng suy cho cùng đều xuất phát từ thực tiễn và quay trở về phục vụ thực tiễn. Có như vậy, tri thức môn học mới có ý nghĩa với SV và được các em tiếp nhận một cách tích cực, tự giác. Mặt khác, đặc trưng nghề nghiệp đòi hỏi bản thân người thầy không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn phải mẫu mực về tư tưởng và đạo đức. Bởi tuổi trẻ của các em SV với sự ham hiểu biết, tìm tòi, sáng tạo, giàu năng lực xúc cảm và nhạy cảm, dễ thuyết phục bởi cái đúng, cái tốt, cái đẹp, bởi sự nêu gương, bởi những mẫu nhân cách tốt đẹp. Tự nó đã là một điều kiện thuận lợi để hình thành tính tích cực chính trị - xã hội và nhân cách cho các em và đó cũng là đích đến của quá trình đào tạo nói chung, dạy học các môn LLCT và KHXH&NV nói riêng trong bối cảnh đổi mới GD và đào tạo hiện nay.

**Tài liệu tham khảo**


[1] Hồ Chí Minh, (2000), *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 6.

[2] Hồ Chí Minh, (2000), *Toàn tập,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 8.

[3] Hồ Chí Minh, (2000), *Toàn tập,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 9.

[4] Hoàng Chí Bảo, (2011), *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

[5] Hoàng Chí Bảo, (2000), *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.


# INSTILLING HO CHI MINH IDEOLOGY OF TEACHING AND LEARNING THEORIES IN IMPROVING THE TEACHING QUALITY OF SOCIAL SCIENCE AND HUMANITY COURSES AT UNIVERSITIES AND COLLEGES TODAY


**Pham Thi Binh**

Vinh University
182 Le Duan, Vinh city, Nghe An province, Vietnam
Email: phamthibinhdhv@gmail.com



**ABSTRACT:** *The primary philosophical ideology of President Ho Chi Minh in training, teaching and learning theories is based on learning by doing, integrating theory with practice, and training from the needs of reality. According to Ho Chi Minh Ideology, the teaching-learning process is always required to answer the questions: who to be taught, who to teach, what to teach, and particularly how to teach, which gears towards concise, catchy and realistic teaching methods. Ho Chi Minh also emphasized that learning at school, learning from each other, and learning in people-to-people communities must go hand in hand with the sense of self-study. Those are exceptionally valuable thoughts. The study to instill Ho Chi Minh's philosophical ideology in teaching theories will be very helpful for improving the teaching courses in political theories in particular and social sciences and humanities in general in the current context of Vietnam's educational innovation.*



**KEYWORDS:** **Teaching theories; social sciences and humanities; realistic; self-study.**

# Biện pháp vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn ở trường sĩ quan quân đội

**Bùi Đức Dũng**
Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng
124 Ngô Quyền, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam
Email: hoaquynhbien1123456@gmail.com

TÓM TẮT: *Lí thuyết kiến tạo là một quan điểm mới về dạy học, xem hoạt động học tập là quá trình biến đổi nhận thức, chủ động xây dựng kiến thức từ những kinh nghiệm đã có của người học. Việc vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn đang là một hướng nghiên cứu cho thấy có nhiều khả năng đáp ứng được yêu cầu đổi mới của quá trình dạy học theo hướng nâng cao tính tích cực, tự lực hoạt động nhận thức xây dựng kiến thức cho người học. Trên cở sở đánh giá thực trạng vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn, bài viết đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm đảm bảo cho việc tổ chức quá trình dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn theo lí thuyết kiến tạo ở trường sĩ quan quân đội đạt hiệu quả cao.*

TỪ KHÓA: **Vận dụng; lí thuyết kiến tạo; dạy học; nội dung chương trình; phương pháp giảng dạy; Khoa học xã hội và nhân văn; trường sĩ quan quân đội.**
➔ Nhận bài 09/5/2020 ➔ Nhận bài đã chỉnh sửa 23/5/2020 ➔ Duyệt đăng 15/6/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Để xây dựng được một hệ thống trường sĩ quan quân đội (TSQQĐ) chất lượng cao, đáp ứng một cách năng động, hiệu quả những yêu cầu của phát triển xã hội, tạo điều kiện cho sự hội nhập, đòi hỏi công tác giáo dục (GD), đào tạo phải tiếp tục đổi mới một cách cơ bản và toàn diện từ việc đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy để đảm bảo người học có thể đáp ứng được những yêu cầu nhất định. Định hướng cơ bản trong đổi mới dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) ở TSQQĐ bắt đầu từ sự cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống theo hướng phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo, phát triển năng lực hành động, năng lực làm việc của người học. Người học không những phải nắm vững nội dung kiến thức môn học mà còn phải có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp hoặc tiếp tục học lên các bậc học cao hơn. Vì vậy, trong quá trình dạy học cần chuyển từ truyền thụ kiến thức sang hình thành phẩm chất và phát triển năng lực người học. Do đó, việc nghiên cứu vận dụng các lí thuyết mới, quan điểm mới về dạy học như: Lí thuyết tình huống, lí thuyết kiến tạo (LTKT), dạy học dự án… là cần thiết nhằm phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực cho người học.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Lí thuyết kiến tạo

Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: "Kiến tạo là xây dựng nên một cái gì đó" [1, tr.23]. Kiến tạo là hoạt động của con người tác động lên một đối tượng nhằm tạo nên đối tượng mới theo nhu cầu bản thân. J. Piaget và L.Vurgotxki là hai đại diên tiên phong cho lí thuyết này. Các ông cho rằng, hoạt động nhận thức của chủ thể là quá trình tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh, sáp nhập chúng vào những hiểu biết đã có của bản thân qua hai quá trình đồng hóa và điều ứng. Cứ thế, trình độ của mỗi cá nhân sẽ phát triển liên tục từ "Vùng phát triển trí tuệ gần nhất" đến "Vùng phát triển hiện tại". Piaget còn nhấn mạnh thêm: Tri thức của mỗi cá nhân là do chính bản thân họ kiến tạo nên chứ không phải nhận từ tay người khác như một món quà.

Tác giả Trần Kiều cho rằng: "Khái niệm về LTKT có nguồn gốc từ một quan niệm của Piaget về các cấu trúc nhận thức lấy trung tâm là các khái niệm đồng hóa - điều ứng. Sự đồng hóa xuất hiện như một cơ chế gìn giữ cái đã biết trong trí nhớ và cho phép người học dựa trên những khái niệm quen biết để giải quyết tình huống mới. Còn sự điều ứng xuất hiện khi người học vận dụng những kiến thức và kĩ năng quen thuộc để giải quyết tình huống mới nhưng đã không thành công và để giải quyết tình huống này người học phải thay đổi, điều chỉnh, thậm chí loại bỏ những kiến thức và kinh nghiệm đã có. Khi tình huống mới đã được giải quyết thì kiến thức mới được hình thành và được bổ sung vào hệ thống kiến thức đã có" [2].

Như vậy, qua phân tích một số quan điểm về LTKT, cho thấy rằng LLKT là một lí thuyết về nhận thức mà trong đó tri thức là một thể năng động được người học xây dựng nên cho bản thân thông qua hoạt động đồng hóa và điều ứng trong đó đề cao những kinh nghiệm đã

có và tính tích cực của chủ thể nhận thức.

### 2.2. Vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn

Dạy học là một bộ phận của quá trình sư phạm tổng thể, là con đường quan trọng nhất để thực hiện mục đích GD toàn diện cho người học, đồng thời là phương thức để đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Nói đến dạy học là nói đến hoạt động dạy và học của thầy và trò trong nhà trường, với mục tiêu là giúp người học nắm vững hệ thống kiến thức khoa học, hình thành hệ thống kĩ xảo, kĩ năng và thái độ tích cực đối với học tập và cuộc sống [3, tr.109].

Mục đích của dạy học không chỉ truyền thụ kiến thức mà chủ yếu là biến đổi nhận thức của người học, trang bị cho người học kiến thức, thông qua đó để phát triển trí tuệ và nhân cách. Muốn biến đổi nhận thức của người học, giảng viên (GV) cần phải tổ chức dạy học sao cho người học nắm bắt được vấn đề, tạo ra được những mâu thuẫn nhận thức và từ đó kiến tạo kiến thức.

Vận dụng LTKT trong dạy học nhấn mạnh đến mối liên tưởng kiến thức vốn có với những kiến thức cần học, đòi hỏi GV phải tạo ra được môi trường học tập thúc đẩy sự biến đổi nhận thức. Nghĩa là, tạo cơ hội để người học trình bày những kiến thức vốn có, cung cấp tình huống có vấn đề, tạo cơ hội cho người học suy nghĩ tìm ra cách giải quyết, động viên người học trình bày kiến thức mới, tạo môi trường thuận lợi để người học tích cực tham gia vào quá trình dạy học để đạt hiệu quả cao nhất.

Theo từ điển Tiếng Việt: "Vận dụng là đem tri thức lí luận dùng vào thực tiễn" [2, tr.1105]. Như vậy, vận dụng là khả năng sử dụng các kiến thức đã học vào một hoàn cảnh cụ thể, biết vận dụng kiến thức, biết sử dụng phương pháp, nguyên lí hay ý tưởng để giải quyết một vấn đề nào đó. Người học lúc này vượt qua cấp độ hiểu đơn thuần và có thể sử dụng, xử lí các khái niệm của chủ đề trong các tình huống tương tự nhưng không hoàn toàn giống như tình huống đã gặp trên lớp.

Từ cách tiếp cận trên, có thể quan niệm về vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV như sau: Dạy học các môn KHXH&NV theo LTKT là một cách tiếp cận về nhận thức trong quá trình dạy học mà ở đó người dạy chủ động định hướng, tổ chức, hỗ trợ, cố vấn giúp người học tự xây dựng kiến thức và tự thể hiện kiến thức từ trải nghiệm của bản thân và thông qua tương tác với môi trường học tập.

### 2.3. Thực trạng vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn ở trường sĩ quan quân đội

Trong những năm vừa qua, các trường sĩ quan quân đội đã quan tâm đến việc vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV và đã đạt được những thành công nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế nhất định: Tháng 3 năm 2020, tác giả tiến hành điều tra xã hội học bằng phiếu điều tra thăm dò nhận thức của GV và học viên (HV) trong các TSQQĐ, khảo sát thực trạng vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV ở 4 trường: Sĩ quan Chính trị, Sĩ quan Lục quân 1, Sĩ quan Pháo binh, Sĩ quan Đặc công, thu thập ý kiến của 124 GV và 289 HV. Đối với nội dung này, tác giả khảo sát thực trạng về nhận thức, kĩ năng và thái độ của GV và HV trong việc tổ chức dạy học theo LTKT.

#### 2.3.1. Thực trạng nhận thức về vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi thấy rằng, nhận thức về LTKT và vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV còn rất hạn chế, cụ thể: có 9,58% GV và 15,98% HV chưa có hiểu biết về LTKT; có 12,24% GV và 18,97% HV chưa nhận thức được vị trí, vai trò của vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV; 53,83% GV và 24, 36% HV chưa nhận thức được bản chất của vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV; 31,06% GV và 46,06 HV chưa nhận thức được đặc điểm vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV; 45,29% GV và 7,62% HV chưa nhận thức được các yếu tố, mô hình vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV; 53,53% GV và 33,03% HV chưa nhận thức được các bước tổ chức dạy học các môn KHXH&NV theo LTKT.

Qua trao đổi với GV và HV ở 4 TSQQĐ về việc vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV, chúng tôi thấy rằng, những kiến thức cơ bản về vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV như: khái niệm, bản chất, đặc điểm, các bước thiết kế, tiến hành các giờ học theo LTKT là hết sức cần thiết đối với mỗi GV và HV nhưng phần lớn còn nhận thức mơ hồ. Đối với một số GV và HV thì dạy học theo LTKT là hoàn toàn mới mẻ.

Để vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ đạt hiệu quả cao, trước hết đòi hỏi GV và HV phải có nhận thức về dạy học theo LTKT. Tuy nhiên, trong thực tế, nhận thức của GV và HV về vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV còn nhiều hạn chế. Đây là một cản trở rất lớn, đòi hỏi các TSQQĐ phải có biện pháp khắc phục một cách hiệu quả trong quá trình vận dụng LTKT vào dạy học các môn KHXH&NV.

#### 2.3.2. Thực trạng kĩ năng tổ chức dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn theo lí thuyết kiến tạo

Để đánh giá về kĩ năng tổ chức dạy học các môn KHXH&NV theo LTKT, tác giả tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi đối với 189 HV. Từ kết quả điều tra cho thấy:

*Về kĩ năng của GV trong thiết kế, tiến hành các giờ học theo LTKT:* có 32,07% ý kiến của HV cho rằng, kĩ năng thiết kế mục tiêu các giờ học theo LTKT của GV còn ở mức trung bình; 40,82% ý kiến cho rằng, kĩ năng thiết

kế các nhiệm vụ học tập của GV còn ở mức trung bình; 34,36% ý kiến cho rằng, kĩ năng huy động kinh nghiệm của HV còn ở mức trung bình; 25,73% HV cho rằng, kĩ năng kết nối tri thức của GV còn yếu; 4,82% HV cho rằng, kĩ năng tổ chức, khích lệ HV lập luận để khẳng định dự đoán của mình còn yếu; 9,75% HV cho rằng, kĩ năng tổ chức đánh giá hoạt động nhóm của HV còn yếu.

*Về kĩ năng học tập theo LTKT của HV*: Có 15,74% HV cho rằng, ý thức trách nhiệm của HV trong học tập còn yếu; 17,45% cho rằng, kĩ năng huy động những hiểu biết có kiên quan đến chủ đề cần lĩnh hội của HV còn yếu; 24,67% ý kiến cho rằng, HV còn thiếu kĩ năng lắng nghe, chia sẻ với bạn học và với giảng viên; 34,19% ý kiến cho rằng, HV còn yếu trong kĩ năng tổng kết, khái quát hóa nội dung học tập.

Những hạn chế về kĩ năng dạy học các môn KHXH&NV theo LTKT càng được khẳng định khi chúng tôi tiến hành quan sát các giờ học được tổ chức theo LTKT. Đối với GV, phần lớn còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch giờ lên lớp. Trong tiến hành các giờ học theo LTKT, phần lớn GV chưa thực hiện đúng quy trình, còn có biểu hiện làm theo kinh nghiệm, cảm tính, thiếu sự đầu tư đúng mức và các chỉ dẫn về lí luận. Đối với HV, một số còn thụ động trong học tập, ỷ lại cao, dẫn đến ngại phát biểu những quan điểm, suy nghĩ của bản thân và do đó hiệu quả tương tác trong học tập không cao, các kĩ năng hợp tác nhóm còn hạn chế.

#### 2.3.3. Thái độ của giảng viên và học viên về vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn

Từ kết quả điều tra khảo sát, chúng tôi thấy rằng: có 74,04% ý kiến của GV cho rằng, giờ lên lớp rất thích hợp cho việc vận dụng LTKT; có 67,23% ý kiến cho rằng, giờ seminar rất thích hợp cho việc vận dụng LTKT; 60,56% ý kiến cho rằng, vận dụng LTKT rất thích hợp trong tự học; 47,28% ý kiến cho rằng, vận dụng LTKT rất thích hợp trong giờ học thực hành; 27,34% ý kiến cho rằng, vận dụng LTKT trong dạy học rất thích hợp cho hoạt động nghiên cứu khoa học của HV.

Như vậy, từ kết quả điều tra chúng ta thấy, phần lớn các ý kiến của GV cho rằng, dạy học theo LTKT rất thích hợp trong các hình thức dạy học. Điều này thể hiện rõ thái độ ủng hộ của GV về việc vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ.

Về phía HV, phần lớn đều rất mong muốn GV tổ chức các giờ học theo LTKT. Tổng hợp kết quả điều tra về thái độ của HV về các phương pháp dạy học: có 69,34% ý kiến HV thích được GV sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề; 65,58% ý kiến HV thích được tổ chức học tập theo nhóm; có 68,05% ý kiến HV thích GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm HV giải quyết. Quan sát các giờ lên lớp có vận dụng LTKT, chúng tôi thấy, HV rất hứng thú trong học tập, tích cực tham gia thảo luận; bước đầu đã biết cách tự xây dựng kiến thức cho bản thân trên cơ sở chia sẻ, giúp đỡ nhau trong học tập.

#### 2.3.4. Nguyên nhân thực trạng

LTKT là một trong những lí thuyết có nhiều ưu điểm vượt trội khi được sử dụng trong dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ, những thử nghiệm bước đầu đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phía GV và HV. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

Dạy học theo LTKT đã giúp cho GV cảm thấy mình thực sự đã góp sức vào việc đổi mới quá trình dạy học; Thực sự là người hiểu biết, là người nghe tích cực, là người phối hợp, điều hành làm cho hoạt động của lớp học trở nên nhịp nhàng. GV cảm nhận được mình chính là người trực tiếp thực hiện đổi mới phương pháp dạy học góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quá trình dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ.

Học tập theo LTKT bước đầu đã giúp cho người học không học bằng cách thu nhận một cách thụ động những tri thức do người khác truyền dạy cho một cách áp đặt mà bằng cách đặt mình vào trong một môi trường tích cực, phát hiện ra vấn đề, giải quyết vấn đề bằng cách đồng hoá hay điều ứng những kiến thức và kinh nghiệm đã có cho thích ứng với những tình huống mới, từ đó xây dựng nên những hiểu biết mới cho bản thân. HV thấy rằng, học tập là một quá trình tự khám phá, đầy bất ngờ, thú vị, luôn được sự hỗ trợ của GV và HV khác nên dễ tạo dựng được tri thức cho bản thân. Mặc dù, được sự ủng hộ tích cực từ phía GV và HV, song dạy học theo LTKT còn rất ít được áp dụng trong dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ. Nhận thức và kĩ năng tiến hành dạy học theo LTKT còn nhiều hạn chế. Những hạn chế này xuất phát từ nguyên nhân cơ bản sau:

- Đội ngũ GV và cán bộ quản lí GD ở các TSQQĐ vẫn còn mơ hồ, lúng túng, không hiểu hết dạy học theo LTKT, những phương pháp dạy học hiện đại, phát triển năng lực người học. Một bộ phận không nhỏ người dạy vẫn quan niệm dạy học theo phương pháp truyền thống có phần nhẹ nhàng, đơn giản, người dạy ít cần động não, chủ yếu giảng bài và đọc - chép. Còn thực hiện theo quan điểm dạy học mới thì bắt buộc, yêu cầu người dạy phải tốn nhiều thời gian, phải vất vả, tìm tòi, sáng tạo rất nhiều trong khâu thiết kế, soạn bài, chuẩn bị, sử dụng nhiều phương án, tình huống sư phạm, chuyên môn để dẫn dắt, gợi mở người học tìm hiểu, suy nghĩ, tư duy...

- Bên cạnh đó, quân số HV trong lớp học còn quá đông trong khi thời gian dành cho môn học lại có hạn. Điều này gây khó khăn nhất định cho GV khi tiến hành dạy học theo LTKT. Ngoài ra, những nguyên nhân khác như: nội dung dạy học còn dàn trải, nặng về lí thuyết, thiếu sự chắt lọc; Điều kiện, môi trường vật chất dành cho dạy học còn hạn chế; Tiêu chí đánh giá kết quả học tập còn nặng về tái hiện kiến thức…Đây là những khó khăn

cần phải tính đến và khắc phục trong quá trình vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ.

### 2.4. Biện pháp vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn ở trường sĩ quan quân đội

#### 2.4.1. Nâng cao nhận thức cho các lực lượng sư phạm về lí thuyết kiến tạo và vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn

Đây là biện pháp quan trọng hàng đầu, có nhận thức đúng thì hành động mới đúng. Vận dụng LTKT trong dạy học là một xu thế khách quan góp phần nâng cao chất lượng dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ. Tuy nhiên, để thực hiện có hiệu quả và được tất cả lực lượng sư phạm đón nhận thì phải làm cho họ thấy được sự cần thiết và những ưu điểm vượt trội của LTKT trong đổi mới phương pháp dạy học các môn KHXH&NV; Làm cho các lực lượng sư phạm thấy được sứ mệnh của mình trong việc giúp người học khám phá tri thức, tạo dựng cho họ năng lực kiến tạo kiến thức, tạo dựng được môi trường và những nhu cầu, những động lực thật sự để người học có điều kiện vật lộn với những vấn đề mà họ quyết định lựa chọn hoặc bắt gặp trong quá trình khám phá. Nhận thức được điều đó, sẽ khắc phục được tâm lí tiêu cực, nâng cao ý thức trách nhiệm cho các lực lượng sư phạm về việc vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ.

#### 2.4.2. Bồi dưỡng cho giảng viên kĩ năng thiết kế bài học kiến tạo trong dạy học các môn Khoa học xã hội và nhân văn

Vận dụng LTKT trong việc thiết kế bài dạy học các môn KHXH&NV đòi hỏi rất cao về kĩ năng của GV. Vì kĩ năng thiết kế bài học kiến tạo là loại kĩ năng hoạt động sáng tạo của GV. Do đó, bản thân quá trình thiết kế bài học đòi hỏi người GV phải nghiên cứu rất nhiều chứ không đơn thuần là soạn giáo án. GV phải nghiên cứu người học, nghiên cứu chương trình, nghiên cứu các lí thuyết phương pháp để định hướng thiết kế phương pháp dạy học, nghiên cứu các yếu tố môi trường… rồi tổ chức lại thành phương án dạy học toàn vẹn. Tuy nhiên, trên thực tế, kĩ năng thiết kế bài học có sử dụng các phương pháp dạy học tích cực nói chung, bài học kiến tạo nói riêng còn nhiều hạn chế, vướng mắc. Do vậy, để vận dụng hiệu quả thuyết kiến tạo trong dạy học, cần phải bồi dưỡng cho GV kĩ năng thiết kế bài học kiến tạo gồm 6 kĩ năng cơ bản sau: Kĩ năng thiết kế mục tiêu học tập của bài học kiến tạo; Kĩ năng thiết kế nội dung học tập của bài học kiến tạo; Kĩ năng thiết kế các hoạt động của người dạy và người học; Kĩ năng thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học kiến tạo; Kĩ năng thiết kế cách sử dụng, khai thác phương tiện, học liệu; Kĩ năng thiết kế môi trường học tập kiến tạo.

#### 2.4.3. Tạo cho người học thói quen huy động triệt để các kiến thức và kinh nghiệm đã có của bản thân để làm cơ sở cho việc kiến tạo tri thức mới

Tri thức được kiến tạo một cách tích cực bởi chủ thể nhận thức là một quá trình thích nghi và tổ chức lại thế giới quan của chính mỗi người mà thế giới đó không phải là cái mà chủ thể nhận thức chưa từng biết tới. Điều này có nghĩa là, chính người học là chủ thể xây dựng tri thức cho mình dựa trên những hiểu biết, những kiến thức đã có trước đây. Như vậy, để xây dựng được những tri thức mới thì việc huy động các kinh nghiệm đã có là việc làm hữu ích và cần thiết với người học.

Bất cứ một tri thức mới nào cũng được hình thành trên cơ sở những tri thức cũ. Việc huy động triệt để các kiến thức và kinh nghiệm cũ có liên quan giúp người học xác lập được cở sở cho việc kiến tạo tri thức mới. Bên cạnh đó, việc xác lập mối quan hệ giữa kiến thức cũ và mới cũng làm củng cố tính hệ thống, tuần tự của kiến thức trong nhận thức của người học và làm cho những tri thức được lĩnh hội trở nên vững chắc và có ý nghĩa hơn.

Để làm được điều này, đòi hỏi trong quá trình dạy học, GV phải khai thác triệt để các kiến thức và kinh nghiệm đã có của HV có liên quan đến vấn đề cần dạy, từ đó phân tích, khái quát hóa… để kiến tạo các hoạt động học tập phù hợp với người học và đảm bảo được mục đích dạy học, đồng thời làm tiền đề cho việc kiến tạo tri thức. Bên cạnh đó, GV cần tạo lập các tình huống dạy học, hay nói cách khác là các tình huống có vấn đề mà trong đó chứa đựng những kiến thức mới, đồng thời lại được xuất phát từ các kiến thức và kinh nghiệm cũ của người học và đó như là điều kiện quan trong để giúp cho quá trình kiến tạo tri thức mới diễn ra một cách thuận lợi hơn.

#### 2.4.4. Tạo lập môi trường học tập mang tính cởi mở và hợp tác trong quá trình dạy học

Tạo lập được môi trường học tập cởi mở, hợp tác để người học diễn đạt, đặt giả thuyết, thảo luận, đề xuất giải pháp và giải quyết các tình huống học tập là điểm quan trọng của việc tổ chức dạy học theo LTKT. Môi trường trong dạy học theo LTKT không hiểu như là các đòi hỏi của xã hội (mô hình nhân cách) đặt ra cho nhà trường, trong đó có quá trình dạy học, cũng không hiểu là các điều kiện vật chất, tinh thần, các yếu tố bên trong và bên ngoài người dạy và người học ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học, mặc dù quá trình vận dụng LTKT có tính đến. Môi trường bàn đến ở đây được hiểu là các tình huống dạy học do người dạy tạo ra cho người học hoạt động, cải biến và thích nghi. Căn cứ vào tính chất của nội dung tri thức và khả năng của người học trong tình huống lớp học cụ thể, người dạy xây dựng tình huống dạy học. Trong từng tình huống dạy học ấy, các nhiệm vụ nhận thức (như là những đòi hỏi của môi trường) và cả các điều kiện, phương tiện cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ nhận thức đều đã được người dạy trù liệu, cân nhắc kĩ lưỡng và chuẩn bị trước cho người học.

Môi trường trong dạy học theo LTKT là yếu tố trung

gian giữa Dạy - Nội dung - Học. Các yếu tố này luôn ở trong trạng thái động, tương tác tích cực với nhau và trở nên có ý nghĩa hơn đối với người học lẫn người dạy và hoạt động của họ. Vì vậy, để tạo lập môi trường học tập mang tính cởi mở và hợp tác thì tài nghệ sư phạm của GV là điều rất cần thiết trong việc khuyến khích HV phát biểu quan điểm của mình, tích cực hoạt động nhằm tìm ra tri thức.

### 3. Kết luận

Vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ đang cho thấy nhiều ưu thế, vừa đáp ứng được sự phát triển của quá trình dạy học hiện đại, vừa phù hợp với quan điểm đổi mới GD của Đảng, Nhà nước, quân đội và có thể thực hiện được một cách hiệu quả. Vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV có tác dụng tăng cường động cơ, kích thích tính tích cực học tập, nâng cao hiệu quả hoạt động nhận thức, phát triển trí tuệ và các kĩ năng xã hội cho người học; đặc biệt có ưu thế lớn trong việc phát triển các kĩ năng hợp tác, kĩ năng huy động những hiểu biết có liên quan đến chủ đề cần lĩnh hội, kĩ năng suy luận, kiểm nghiệm, dự đoán, kĩ năng khái quát hóa nội dung học tập…Tuy nhiên, nhìn vào thực tiễn vận dụng LTKT trong dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ thì đây là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp mới nâng cao chất lượng hiệu quả quá trình dạy học.

**Tài liệu tham khảo**


[1] Viện Ngôn ngữ học, (2016), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

[2] Trần Kiều (Chủ biên), (2003), *Đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học cơ sở*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

[3] Phạm Viết Vượng, (2008), *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4] John Dewey, (1997), *Dân chủ và giáo dục*, NXB Tri thức, Hà Nội.

[5] Dự án Việt - Bỉ, (2010), *Dạy và học tích cực: một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6] Đảng ủy Quân sự Trung ương, (2007), *Nghị quyết 86 về Công tác giáo dục và đào tạo trong tình hình mới*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

[7] Jean Piaget, (2001), *Tâm lí học và Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[8] Vygotsky L.S, (1997), *Tuyển tập tâm lí học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.


# MEASURES TO APPLY CONSTRUCTIVIST THEORY IN TEACHING SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES AT MILITARY OFFICERS' SCHOOLS


**Bui Duc Dung**

Political Academy - Ministry of Defense
124 Ngo Quyen, Quang Trung ward,
Ha Dong district, Hanoi, Vietnam
Email: hoaquynhbien1123456@gmail.com



**ABSTRACT:** *Constructivist theory is a new perspective on teaching, viewing learning activities as a process of cognitive transformation, proactively building knowledge from previous experiences of learners. The application of constructivist theory in the teaching of social sciences and humanities is a research direction showing that it is more likely to meet the innovation requirements of the teaching process in the direction of improving the activeness and the self-reliant activities to provide knowledge for learners. Based on the assessment of the current situation of applying constructivist theory in teaching social sciences and humanities, the paper proposed specific measures to ensure the organization of teaching social science and humanities based on the constructivist theory at military officers' school for high effectiveness.*



**KEYWORDS: Applying; constructivist theory; teaching; content; teaching methods; social sciences and humanities; school of military officers.**